

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HỌC KÌ I - Năm học : 2022- 2023
MÔN: TIẾNG VIỆT (ĐỌC THÀNH TIẾNG) – Lớp 1

ĐỀ 1

A.KIỂM TRA ĐỌC:

I. Đọc thành tiếng kết hợp nghe nói: (GV cho HS bốc thăm đọc và trả lời câu hỏi 1 trong 3 văn bản sau).

1

Taäp theä duïc giöõa giôø

Troáng vang tuøng...tuøng...tuøng.... Chuùng em ra saân, xeáp haøng thaúng taép. Moät baûn nhaïc roãn raøng vang leân. Chuùng em höùng thuù taäp theä duïc giöõa giôø. Caùc coâ khen chuùng em taäp raát ñeïp!

Câu hỏi: Giôø ra chôi, troáng vang leân, chuùng em ra saân xeáp haøng laøm gì?

2

Chôø ta nheù

Gaø aø, chôø ta nheù!
Ta pha traø cho oâng
Xong seõ ñem thoùc ñeán
Chôù aàm ó nghe khoâng!

Cuùn aø, ta nhôø nheù!
Ra saân troàng nhaø ñi
Ta cho oâng aên ñaõ
Xong seõ ñeán löôit mi.

Câu hỏi: Baïn nhôù baùu cuùn ra saân laøm gì?

3

Ñoùn Teát

Saép ñeán Teát, meï laøm möùt caø roát ñeã Lieân vaø boá ñoùn tieáp baïn beø. Lieân giuùp meï chôi caø roát, goït vôu vaø ñun beáp. Meï vaø con chôø möùn möùt thôm ngon.

Câu hỏi: Meï laøm möùt gì ñeã Lieân vaø boá ñoùn tieáp baïn beø?

Trường: Tiểu học Đặng Thị Minh

Điểm trường:.....

Lớp: 1....

Thứ năm ngày 29 tháng 12 năm 2022

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HKI - Năm học: 2022 – 2023

MÔN : Tiếng Việt (KIỂM TRA ĐỌC)

Họ tên:.....

Thời gian làm bài: 35 phút

Chữ ký người coi	Chữ ký người chấm bài	Chữ ký người chấm lại	HIỆU TRƯỞNG duyệt
Điểm đọc tiếng	Điểm đọc hiểu	Điểm chung (Ghi bằng số; chữ)	
...../6điểm	/4điểm	/10điểm	
Nhận xét của người chấm bài		Nhận xét của người chấm lại	
.....			
.....			
.....			

I. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói (6 điểm):

Học sinh bốc thăm đọc 1 trong 3 văn bản (cho sẵn) và trả lời câu hỏi tương ứng.

1. Tập thể dục giữa giờ

2. Chờ ta nhé

3. Đón tết

Tiêu chuẩn cho điểm cụ thể :	Điểm
Thao tác đọc đúng: tư thế đọc, cách đưa mắt đọc	/1 điểm
Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu	/1 điểm
Âm lượng đọc vừa đủ nghe	/1 điểm
Tốc độ đọc đạt yêu cầu	/1 điểm
Ngắt nghỉ hơi đúng các dấu câu, các cụm từ	/1 điểm
Trả lời đúng câu hỏi về nội dung bài	/1 điểm
Tổng cộng:	/6 điểm

II. Kiểm tra đọc hiểu, kết hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt (4 điểm): (35 phút)

Đọc thầm văn bản sau và trả lời câu hỏi:

OÂâng bạø em

OÂâng bạø em raát thồõng em. Saùng saùng, oâng ñũa em ñẻán trồõõng. Heát giồõ, oâng ñhòun em veà. Khi em veà ñẻán nhaỏ, bạø pha sỗũa cho em uỏáng. Em kể cho oâng bạø nghe veà caùc baỉn ôu trồõõng.

Câu trả lời/..... điểm	Câu 1: Khoanh tròn vào chỗ cần điền
	Câu 2: Chọn câu trả lời đúng

...../
noái ã nuông:
 điểm

- Chò em
- Meï em
- OÂng em.

raát thõông em.

đầu (x) cho

YÙ	Nhũng	Sai
Sàùng sàùng, ông ñõa em ñẻán trồøng.		
Sàùng sàùng, bàø ñõa em ñẻán trồøng.		

Câu 4: Nói câu ô chữ thành câu vào viết lại.câu vào chỗ
1điểm **trống:** **Heát giêng**

em veà.

A large grid of graph paper with a dashed border and a dotted grid pattern. The grid is 10 units wide and 4 units high. Below the grid, there are 10 vertical lines, each corresponding to a column in the grid above.

MÔN: TIẾNG VIỆT – LỚP 1
KIỂM TRA VIẾT

B) KIỂM TRA VIẾT: (30 chữ/15 phút)

+ GV chép bài thơ lên bảng lớp cho HS nhìn viết vào giấy kiểm tra :

Ñi hoïc

Soùc, nhím vaø thoû ngoïc
Hoïc lôùp coâ sôn ca
Baùc ngöïa ñoùn töø nhaø
Ñöa caù ba ñi hoïc.
Voù ngöïa va loùc coùc
Xe cöù laên bon bon...

Trường: Tiểu học Đặng Thị Mạnh
Điểm trường:.....
Lớp: 1.....

Thứ năm ngày 29 tháng 12 năm 2022
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI HKI - Năm học: 2022 – 2023
MÔN : Tiếng Việt (KIỂM TRA VIẾT)

Họ tên:.....

Chữ ký người coi	Chữ ký người chấm bài	Chữ ký người chấm lại	HIỆU TRƯỞNG duyệt
Điểm chính tả	Điểm bài tập	Điểm chung (Ghi bằng số; chữ)	
...../6điểm	/4điểm	/10điểm	
			

Nhận xét của người chấm bài	Nhận xét của người chấm lại
.....	
.....	
.....	

1. Giáo viên viết bài thơ “**Đi học**” lên bảng cho học sinh nhìn chép.

Bài viết

A full-page view of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin black lines. There are no margins or additional markings on the page.

2. Bài tập: (4 điểm)

Câu 1. Điền vào chỗ chấm ng hay nh

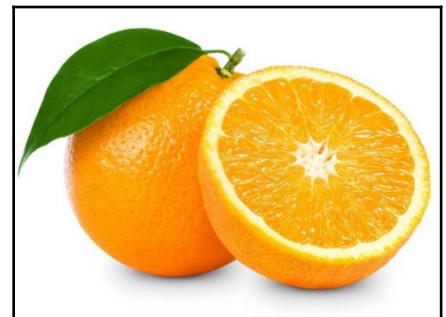


Con thiên.....a ở
trong hồ.



Củệ vàng

Cảm vẫn **am** hay **an**?

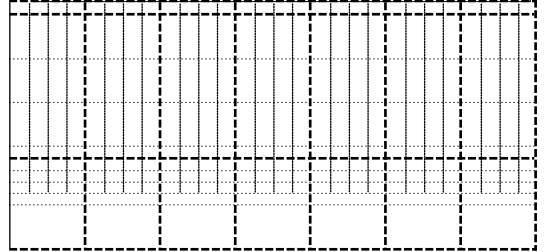
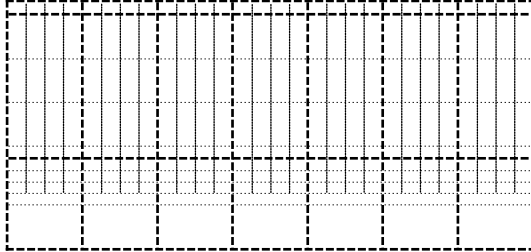


giỏ l.....

C.....

quả

Câu 3. Viết tên quả, tên con vật dưới mỗi tranh:



da

[illegible]

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ - CHO ĐIỂM KHỐI 1

Môn: Tiếng Việt CHKI - Năm học: 2022 – 2023

I/ Kiểm tra đọc : (10 điểm)

a/ **Đọc thành tiếng:** 6 điểm

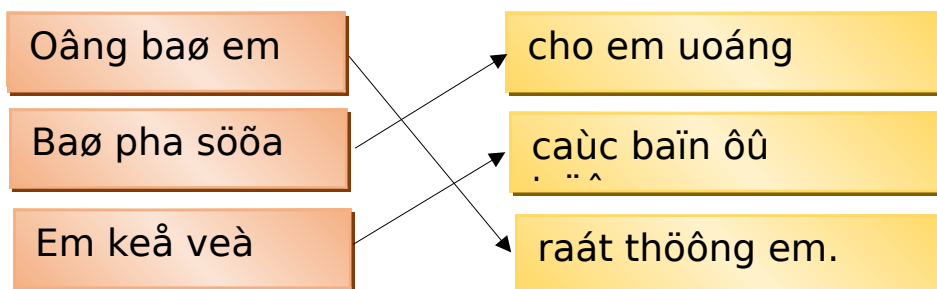
- Thao tác đọc : đúng tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc: 1 điểm
- Đọc trơn đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm (sai 11 đến 20 tiếng : 0,5 đ ; từ 20 tiếng trở lên đạt 0 đ)
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng/1 phút): 1 đ; nếu tốc độ dưới 30 tiếng/1 phút: 0 điểm.
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1đ
- Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ : 1 đ nếu có 0-2 lỗi; 0 điểm nếu có hơn 2 lỗi.
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn văn: 1đ (Nếu HS không trả lời được GV đặt câu hỏi phụ. Câu hỏi phụ trả lời được đạt 0,5 đ)

b/ **Đọc- hiểu :** (4 điểm)

Câu 1: 1/ Ý b: 5 câu (0,5 đ)

2/ Ý c: Ông em (0,5 đ)

Câu 2: HS nối đúng 3 ý đạt 1 điểm; nối đúng 2 ý đạt 0,75 điểm; nối đúng 1 ý đạt 0,5 điểm.



Câu 3 : HS đánh dấu X vào ô phù hợp: mỗi ý đạt 0,5 điểm

YÙ	Nhũng	Sai
Sùng, sùng ông ñũa em ñẻn trõõng.	X	
Sùng, sùng bà ñũa em ñẻn trõõng.		X

Câu 4 : HS nối đúng đạt 0,5 điểm, viết đúng câu đạt 0,5 điểm (Trừ 0,25 điểm nếu viết thiếu dấu chấm cuối câu)

II. Kiểm tra viết : (10 điểm)

1/ **Viết chính tả (6 điểm) ;** _____

GV chép lên bảng bài thơ cho HS nhìn chép:

Ni hoic

Sòc, nhím vạo thõu ngoic
Hoic lòup coa sỏn ca
Bauc ngõia ñỏn tở nhạo
Ñũa ca ba ñi hoic.
Voù ngõia va lòuc còuc

Xe còu laên bon bon...

*** Cách chấm điểm : Tổng 6 điểm**

- Tốc độ đạt yêu cầu (khoảng 30 chữ/15 phút): 2điểm nếu viết đủ số chữ ghi tiếng; 1 điểm nếu bỏ sót 1-2 chữ; 0 điểm nếu bỏ sót hơn 2 chữ.

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 1điểm nếu viết đúng kiểu chữ thường và cỡ nhỏ; 0 điểm nếu viết chưa đúng kiểu chữ hoặc không đúng cỡ chữ nhỏ.

- Viết đúng chính tả (Không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm; Viết sai từ 6 - 10 lỗi: 1điểm; Từ 11 - 15 lỗi: 0,5 điểm; Từ 16 lỗi trở lên: 0điểm (thừa, thiếu chữ, sai, lẫn phụ âm đầu hoặc vần, thanh). Chú ý 1 chữ sai lặp lại nhiều lần chỉ tính 1 lỗi.

- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp: 1điểm; nếu trình bày không theo mẫu hoặc chữ viết không rõ nét, bài tẩy xóa vài chỗ: 0 điểm.

2/ Bài tập chính tả (4điểm)

Câu 1. (1điểm) Điền đúng mỗi âm (ng, ngh) (đạt 0,5đ)

Câu 2. (1điểm) Điền đúng mỗi vần(am , an) (đạt 0,5đ)

Câu 3. (1điểm) Viết đúng mỗi tên quả, tên con vật đạt 0,5 điểm (quả gấc, con công)

Câu 4. (1điểm) Nối đúng 2 từ. (đạt 0,5đ)

Viết đúng 2 từ (đạt 0,5đ)